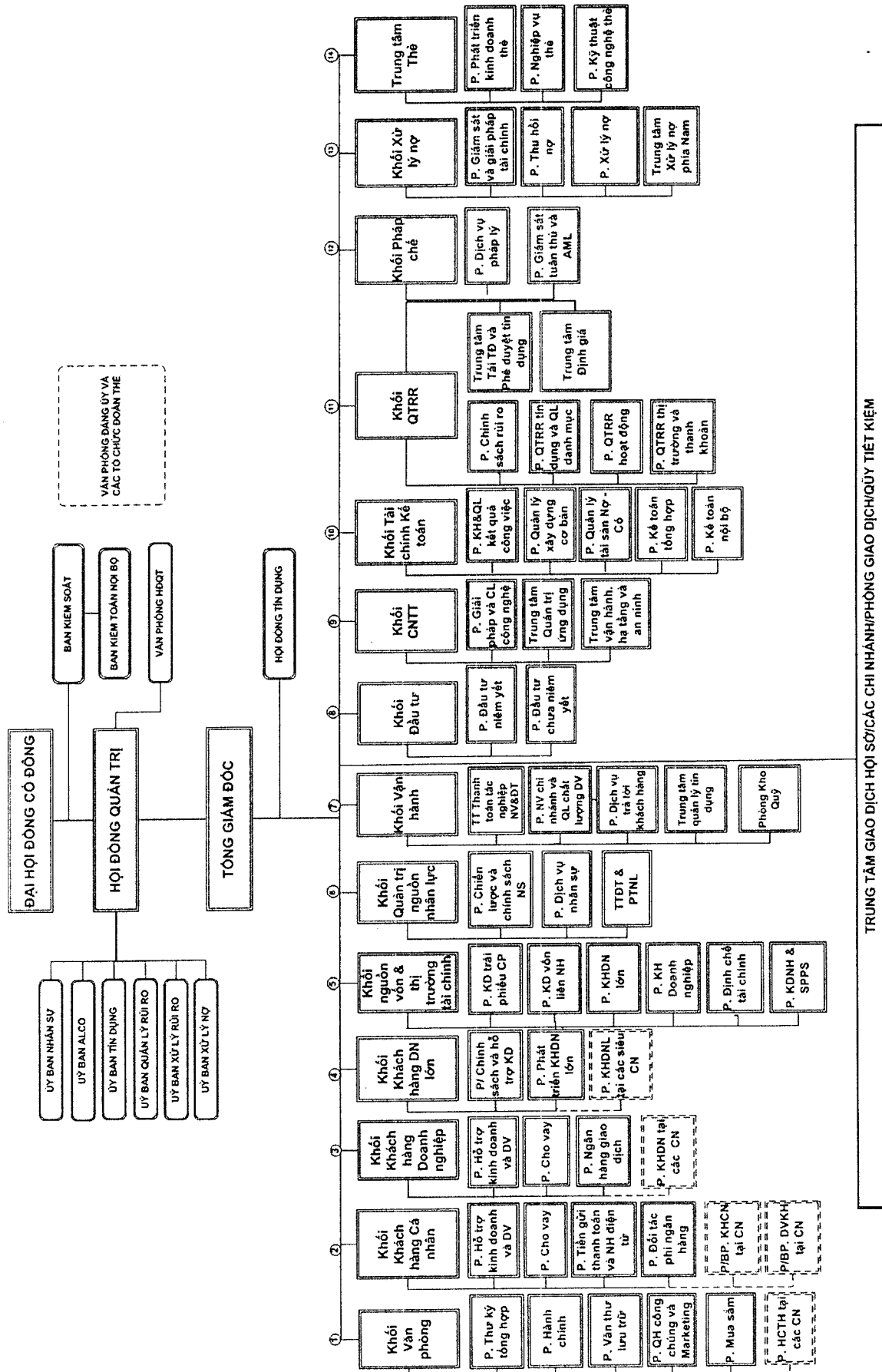


- Đẩy mạnh đầu tư trái phiếu Chính phủ để đảm bảo dự phòng thanh khoản và tỷ lệ an toàn theo quy định.
- **Hoạt động kinh doanh tiền tệ:**
 - Linh hoạt trong việc mở trạng thái ngoại tệ, tìm hiểu thông tin, nắm bắt các cơ hội, kịp thời đưa ra các kế hoạch kinh doanh phù hợp.
 - Lựa chọn sản phẩm giao dịch phù hợp với chất lượng từng TCTD, đảm bảo an toàn, hiệu quả nguồn vốn.
- **Hoạt động dịch vụ:**
 - Tiếp tục thực hiện hoạt động thu xếp vốn cho các dự án của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tích cực tìm kiếm các đối tác và dự án mới.
 - Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ thẻ, giao dịch ngân hàng điện tử. Đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh thẻ.

5 Tổ chức và nhân sự

6.1 Sơ đồ tổ chức

MÔ HÌNH TỔ CHỨC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM



TRUNG TÂM GIAO DỊCH HỢI SỞ/CÁC CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH/HỒY TIẾT KIỂM

6.2 Giới thiệu Hội đồng quản trị

| STT | Tên | Chức vụ | Trình độ |
|-----|---------------------|-------------------------|--|
| 01 | Nguyễn Đình Lâm | Chủ tịch HĐQT | - Cử nhân Pháp luật quốc tế, ĐH Luật Hà Nội. - Thạc sỹ QTKD, ĐH Kinh tế Quốc dân |
| 02 | Vũ Huy An | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Tài chính, ĐH Tài chính Kế toán. - Cử nhân Chính trị, Học viện Chính trị Quốc Gia HCM. |
| 03 | Nguyễn Khuyến Nguồn | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân. - Thạc sỹ Quản lý Tài chính, Birmingham City University. |
| 04 | Đoàn Minh Mẫn | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Kế toán, ĐH Tài chính kế toán HN |
| 05 | Võ Trọng Thủy | Thành viên HĐQT độc lập | - Cao học kinh tế, University of Newcastle, NSW, Australia. - Thạc sỹ Thương mại và Phát triển (chuyên ngành tài chính), University of Newcastle, NSW, Australia. |
| 06 | Lê Minh Tuấn | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Kinh tế, ĐH Văn Lang. - Thạc sỹ quản trị kinh doanh, ĐH Kỹ thuật Paramount. |
| 07 | Trịnh Hữu Hiền | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Ngân hàng, Học viện Ngân hàng. - Thạc sỹ Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân. |

6.3 Giới thiệu Ban Kiểm soát

| STT | Tên | Chức vụ | Trình độ |
|-----|----------------------|-------------------------|---|
| 01 | Nguyễn Hải An | Trưởng BKS | - Cử nhân Kế toán, ĐH Tài chính Kế toán HN; - Cử nhân Tiếng Anh, ĐH ngoại ngữ - ĐH Quốc gia HN; - Thạc sỹ Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân; |
| 02 | Đào Thị Kim Hải | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Kế toán, Học viện Tài chính; |
| 03 | Bùi Thu Hương | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân ngân hàng tài chính, ĐH Kinh tế Quốc dân; - Thạc sỹ Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân; |
| 04 | Nguyễn Văn Trung | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Luật Kinh tế, ĐH Luật Hà Nội. |
| 05 | Nguyễn Thị Hương Nga | Thành viên chuyên trách | - Cử nhân Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân. |

6.4 Giới thiệu Ban Điều hành

| STT | Tên | Chức vụ | Trình độ |
|-----|-------------------|--|---|
| 01 | Nguyễn Hoàng Linh | Tổng giám đốc | - Cử nhân Ngân hàng, ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội; - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, ĐH Bách Khoa Hà Nội; |
| 02 | Nguyễn Hoàng Nam | Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro | - Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội; - Cử nhân Luật kinh tế, ĐH Luật Hà Nội; - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, ĐH Tổng hợp Pacific Western (liên kết ĐH QGHN); |
| 03 | Nguyễn Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Vận hành | - Cử nhân Kinh tế, ĐH Tài chính Kế toán; - Cử nhân Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia |

| | | | |
|----|-------------------|---|---|
| | | | Hà Nội; - Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Học viện Tài Chính; |
| 04 | Phạm Huy Tuyên | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Văn phòng | - Cử nhân Kinh tế, ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội; - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Irvine; |
| 05 | Nguyễn Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Đầu tư | - Cử nhân Marketing, ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội; - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, University of Applied Sciences and arts Northwestern Switzerland; |
| 06 | Nguyễn Quốc Khánh | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Công nghệ thông tin | - Cử nhân Khoa học máy tính, Trường ĐH Tây Sydney; - Tiến sỹ Khoa học máy tính, Trường ĐH Tây Sydney; |
| 07 | Ngô Ngọc Quang | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn | - Cử nhân Tài chính tín dụng, ĐH Tài chính kế toán; |
| 08 | Dương Xuân Quang | Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh | - Cử nhân kinh tế bảo hiểm, ĐH TCKT; - Thạc sỹ QTKD, ĐH Quốc tế RMIT; |
| 09 | Đoàn Đức Minh | Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân | - Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Học viện Ngân hàng; - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Kinh tế Quốc dân; |
| 10 | Nguyễn Việt Hà | Giám đốc Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính | - Cử nhân Kinh tế, ĐH Ngoại Thương Hà Nội; - Thạc sỹ Kinh tế, ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội; - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH University of Miami; |
| 11 | Võ Thị Hoàng Yến | Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản trị Nguồn | - Cử nhân Luật, ĐH Luật Hà Nội; - Cử nhân Tài chính Ngân hàng, |

| | | | |
|----|------------------|---|---|
| | | nhân lực | ĐH Kinh tế Quốc dân; |
| 12 | Phạm Đức Thắng | Quyền Giám đốc Khối Xử lý nợ | - Cử nhân Kinh tế, ĐH Kinh tế Quốc dân; - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, ĐH LaTrobe; |
| 13 | Nguyễn Mạnh Hùng | Quyền Giám đốc Khối Khách hàng Doanh Nghiệp | - Cử nhân Tài chính Ngân hàng, ĐH Kinh tế Quốc dân; - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, ĐH Quốc Gia Hà Nội; |
| 14 | Đặng Thế Hiển | Kế toán trưởng, Quyền Giám đốc Khối Tài chính Kế toán | Cử nhân Tài chính Kế Toán, ĐH Quản lý và kinh doanh Hà Nội. |

7 Quản trị doanh nghiệp

7.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2014, HĐQT PVcomBank đã tiếp nhận và xử lý 680 Tờ trình, 174 Báo cáo, 1.052 Công văn đến các loại. HĐQT Ngân hàng cũng đã thông qua và ban hành gần 760 Nghị quyết, Quyết định để đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngân hàng. Trong số hơn 680 Tờ trình đã tiếp nhận, có 77 Tờ trình về các lĩnh vực ban hành Quy chế, Quy định nội bộ.

Năm 2014 HĐQT đã tổ chức 22 phiên họp HĐQT và 61 phiên họp khác của các Ủy ban trực thuộc HĐQT (Ủy ban Tín dụng, Xử lý nợ, QLRR và ALCO), đồng thời chỉ đạo thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Chỉ đạo công tác tái cấu trúc và quản trị doanh nghiệp, vận hành mô hình tổ chức theo tư vấn của BCG; điều hành văn phòng quản lý sự thay đổi (CMO). Ban hành bộ tài liệu về chiến lược kinh doanh của PVcomBank; tổ chức truyền thông chiến lược cho toàn bộ nhân viên PVcomBank. Chủ trì, chỉ đạo 07 Hội nghị Báo cáo chiến lược trong năm 2014. Chỉ đạo tổ chức các chương trình đào tạo các cấp bậc nhân viên theo chức danh và nhận chuyển giao tri thức từ BCG. Chỉ đạo việc triển khai các sáng kiến chiến lược: trong năm 2014 đã hoàn thành 31 sáng kiến chiến lược (SKCL), đang triển khai 32 SKCL và dự kiến sẽ triển khai 31 SKCL trong năm 2015;
- Giám sát các hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết HĐQT, Chỉ thị, ý kiến kết luận của HĐQT, theo dõi hỗ trợ và tạo điều kiện để hoạt động điều hành của Ban điều hành được thuận lợi; tạo chuyển biến tích cực đồng thời đáp ứng yêu cầu của các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống;
- Chỉ đạo xây dựng các hệ thống chỉ số theo dõi hoạt động ngân hàng nhằm hệ thống lại hệ thống các báo cáo, giúp HĐQT nắm bắt được nhanh chóng, thường xuyên các chỉ số cơ bản và hoạt động của Ngân hàng;

- Tiếp tục chỉ đạo sát sao hoạt động tái cấu trúc danh mục tài sản của PVcomBank. Tích cực chỉ đạo thực hiện các giải pháp thu hồi nợ, xử lý nợ và tái cấu trúc danh mục đầu tư;
- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt chính sách chăm sóc khách hàng và các gói sản phẩm, dịch vụ cho nhóm khách hàng mục tiêu PVN và các đơn vị trong ngành Dầu khí;
- Chỉ đạo định hướng xây dựng và giao kế hoạch, mục tiêu kinh doanh 2015 tới các đơn vị.

7.2 Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

7.2.1 Cơ cấu các ủy ban

Số lượng ủy ban trực thuộc HĐQT: 5 ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự, Ủy ban tín dụng, Ủy ban QLRR, Ủy ban XLRR, Ủy ban XLN, 1 Hội đồng sản phẩm.

Ủy ban nhân sự:

- Chủ tịch Ủy ban: Ông Nguyễn Đình Lâm – Chủ tịch HĐQT
- Ủy viên thường trực: Ông Vũ Huy An – Thành viên HĐQT
- Ủy viên: Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên HĐQT
Ông Võ Trọng Thủy – Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Hoàng Linh – Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Nam – Phó tổng giám đốc thường trực
- Ủy viên kiêm thư ký Bà Võ Thị Hoàng Yến – Phó Giám đốc phụ trách khối QTNNL

Ủy ban tín dụng:

- Chủ tịch Ủy ban: Ông Nguyễn Đình Lâm – Chủ tịch HĐQT
- Ủy viên thường trực: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Tổng giám đốc
- Ủy viên: Ông Vũ Huy An – Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn – Thành viên HĐQT
Ông Võ Trọng Thủy – Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Hoàng Nam – Phó tổng giám đốc thường trực
Giám đốc Khối có hồ sơ trình Ủy ban
- Thư ký CB chuyên trách hoặc bán chuyên trách do GDK QTRR phân công

Ủy ban quản lý rủi ro:

- Chủ tịch Ủy ban: Ông Nguyễn Khuyến Nguồn – Thành viên HĐQT
- Ủy viên thường trực: Ông Võ Trọng Thủy – Thành viên HĐQT độc lập
- Ủy viên: Ông Trịnh Hữu Hiền – Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Linh – Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Nam – Phó tổng giám đốc thường trực
Ông Đoàn Đức Minh – Giám đốc khối KHCN
- Ủy viên không biểu quyết: Ông Nguyễn Hải An – Trưởng Ban Kiểm soát
- Ủy viên kiêm thư ký Nguyễn Thị Linh Chi – Phó Giám đốc Khối QTRR

Ủy ban xử lý nợ:

- Chủ tịch Ủy ban: Ông Nguyễn Đình Lâm – Chủ tịch HĐQT

- Ủy viên thường trực: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Tổng giám đốc
- Ủy viên: Ông Vũ Huy An – Thành viên HĐQT
 Ông Đoàn Minh Mẫn – Thành viên HĐQT
 Ông Trịnh Hữu Hiền – Thành viên HĐQT
 Ông Võ Trọng Thủy – Thành viên HĐQT độc lập
 Ông Nguyễn Hải An – Trưởng Ban Kiểm soát
 Ông Nguyễn Hoàng Nam – Phó tổng giám đốc thường trực
 Ông Phạm Đức Thắng – Quyền Giám đốc Khối XLN
 Giám đốc Khối có hồ sơ trình Ủy ban
- Thư ký: Cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách do GDK XLN/QTRR phân công

Ủy ban xử lý rủi ro:

- Chủ tịch Ủy ban: Ông Nguyễn Đình Lâm – Chủ tịch HĐQT
- Ủy viên thường trực: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Tổng giám đốc
- Ủy viên: Ông Vũ Huy An – Thành viên HĐQT
 Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên HĐQT
 Ông Đoàn Minh Mẫn – Thành viên HĐQT
 Ông Trịnh Hữu Hiền – Thành viên HĐQT
 Ông Võ Trọng Thủy – Thành viên HĐQT độc lập
 Ông Nguyễn Hải An – Trưởng Ban Kiểm soát
 Ông Nguyễn Hoàng Nam – Phó tổng giám đốc thường trực
 Ông Đặng Thế Hiền – Quyền giám đốc Khối TCKT
 Ông Trịnh Thế Phương – Giám đốc Khối Pháp chế
 Ông Phạm Đức Thắng – Quyền Giám đốc Khối XLN
 Giám đốc Khối có hồ sơ trình Ủy ban
- Thư ký: Cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách do GDK XLN/QTRR phân công

Hội đồng sản phẩm:

- Chủ tịch Ủy ban: Ông Nguyễn Khuyên Nguồn – Thành viên HĐQT
- Ủy viên: Ông Võ Trọng Thủy – Thành viên HĐQT
 Ông Nguyễn Hoàng Linh – Tổng Giám đốc
 Ông Nguyễn Hoàng Nam – Phó tổng giám đốc thường trực
 Ông Trịnh Thế Phương – Giám đốc Khối Pháp chế
 Ông Đặng Thế Hiền – Quyền Giám đốc Khối TCKT
 Giám đốc Khối có hồ sơ trình
- Ủy viên không biểu quyết: Ông Nguyễn Hải An – Trưởng Ban kiểm soát
 Ông Đoàn Ngọc Lưu – Trưởng KTNB
- Thư ký: Cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách do GDK XLN/QTRR phân công

7.2.2 Hoạt động của các ủy ban

Ủy ban Nhân sự có chức năng:

- Tham mưu, tư vấn và đề xuất những vấn đề có liên quan đến hoạt động nhân sự bao gồm cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, đào tạo, lương và phúc lợi của ban điều hành, cán bộ nhân viên PVcomBank để HĐQT ra quyết định.

Ủy ban tín dụng có chức năng:

- Thực hiện phê duyệt các phương án cấp tín dụng trong phạm vi hạn mức được Hội đồng quản trị phân quyền theo đúng quy định của Ngân hàng;
- Phê duyệt điều chỉnh các điều kiện cấp tín dụng đối với khoản tín dụng thuộc hạn mức phê duyệt của Ủy ban và đang được phân loại nợ vào nợ nhóm 1/nhóm 2 theo Chính sách phân loại nợ của Ngân hàng;
- Xử lý các vấn đề phát sinh khác theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị Ngân hàng.

Ủy ban quản lý rủi ro có chức năng:

- Giám sát và đưa ra khuyến nghị với Hội đồng quản trị về những rủi ro hiện thời và tiềm ẩn của ngân hàng;
- Đánh giá, khuyến nghị với Hội đồng quản trị về khung quản lý rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro (bao gồm khẩu vị rủi ro);
- Phân tích, giám sát và đưa ra những cảnh báo, khuyến nghị về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy trình, phương pháp, công cụ đo lường rủi ro liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản lý rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
- Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.

Ủy ban xử lý nợ có chức năng:

- Chỉ đạo triển khai có hiệu quả các biện pháp xử lý nợ (ngoại trừ biện pháp sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng) đối với các khoản nợ của Ngân hàng;
- Đảm bảo việc thực hiện xử lý, thu hồi nợ tuân thủ đúng quy định của NHNN;
- Đảm bảo tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn không vượt quá ngưỡng giới hạn cho phép của HĐQT;
- Xử lý các khoản phải thu khó đòi có phát sinh các vấn đề đột xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng thu hồi của PVcomBank.

Ủy ban xử lý rủi ro có chức năng:

- Theo dõi kết quả thu hồi của các khoản nợ và phải thu khó đòi đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng;
- Xem xét và chỉ đạo các biện pháp thu hồi nợ và phải thu khó đòi đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, đảm bảo khả năng thu hồi tối đa cho PVcomBank;
- Đảm bảo việc xử lý rủi ro tại PVcomBank tuân thủ đúng quy định của NHNN.

7.3 Ban Kiểm soát

7.3.1 Cơ cấu tổ chức:

Các thành viên Ban kiểm soát của PVcomBank gồm 05 thành viên, cụ thể:

- Ông Nguyễn Hải An - Trưởng Ban Kiểm soát;
- Bà Đào Thị Kim Hải - Thành viên Ban Kiểm soát;
- Bà Bùi Thu Hương - Thành viên Ban Kiểm soát;
- Ông Nguyễn Văn Trung - Thành viên Ban Kiểm soát;
- Bà Nguyễn Thị Hương Nga- Thành viên Ban Kiểm soát.

Bộ phận giúp việc Ban kiểm soát là Kiểm toán nội bộ của PVcomBank được tổ chức theo mô hình tập trung, thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc ở Hội sở và khu vực phía Nam, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát. Được kế thừa từ đội ngũ nhân sự của PVFC và WTB trước đây, đội ngũ nhân sự hiện tại của KTNB PVcomBank có 45 thành viên, được tổ chức chuyên nghiệp và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc. Hoạt động kiểm toán nội bộ định hướng áp dụng mô hình kiểm soát và kiểm toán nội bộ theo thông lệ quốc tế, áp dụng phương pháp kiểm toán theo định hướng rủi ro, nâng cao vai trò tư vấn và hỗ trợ các đơn vị trong Ngân hàng.

7.3.2 Hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2014:

Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt các công việc chính trong năm 2014 theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với Điều lệ Ngân hàng và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, bao gồm:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động của Ngân hàng và các đơn vị thành viên tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ PVcomBank và các chỉ đạo của Tập đoàn đối với Người đại diện vốn;
- Tham gia vào các dự án trọng điểm của Ngân hàng như: dự án chiến lược, dự án công nghệ thông tin, dự án xây dựng mô hình quản trị rủi ro, dự án phòng chống rửa tiền theo quy định của FATCA....; tham gia góp ý và tư vấn trong các phiên họp của HĐQT, các Ủy ban của Ngân hàng;
- Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ theo quy định tại Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Ngân hàng nhà nước và Luật các TCTD năm 2010. Ban kiểm soát trực tiếp và thông qua KTNB để giám sát, kiểm toán, tư vấn toàn diện hoạt động quản trị, điều hành thông qua việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của Ngân hàng. Các kết quả giám sát, kiểm tra, kiểm toán và tư vấn của Ban kiểm soát và KTNB đều được báo cáo đầy đủ và kịp thời đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
- Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính để thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và kết thúc năm, đảm bảo Báo cáo tài chính của PVcomBank được công bố trung thực, hợp lý theo quy định;
- Thực hiện đánh giá độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

7.3.3 Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Ban kiểm soát

Trong năm 2015, Ban kiểm soát dự kiến triển khai những công việc chính như sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động của Ngân hàng và các công ty con tuân thủ Điều lệ PvcomBank, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ theo quy định của Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước, Luật các TCTD năm 2010 và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đảm bảo Báo cáo tài chính của PvcomBank được công bố trung thực, hợp lý. Thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của PvcomBank. Tổ chức thực hiện kế hoạch về kiểm toán nội bộ đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước và kế hoạch kiểm soát đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.
- Tiếp tục thực hiện tốt chức năng tư vấn, hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- Chủ động tham gia tích cực vào các Dự án chiến lược của Ngân hàng. Tổ chức triển khai các sáng kiến chiến lược áp dụng cho hoạt động quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ.

8 Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Không chỉ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, PVcomBank nhận thức được sự tồn tại và phát triển của mình gắn liền với sự phát triển, ổn định của xã hội chính vì vậy Ngân hàng luôn nỗ lực trong việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua các hoạt động thường xuyên và thiết thực:

- Hoạt động nhân đạo từ thiện

Với tinh thần tương thân tương ái, PVcomBank luôn dành nguồn lực hàng năm cho các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Bằng những đóng góp cho các trung tâm y tế, bệnh viện, trường học, ủng hộ lực lượng cảnh sát biển, kiểm ngư, xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, xây cầu, đường giao thông nông thôn... PVcomBank mong muốn có thể chung tay cùng các bộ, ban, ngành, chính phủ giúp đỡ những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn.

- Hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”

Tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” cũng là điểm sáng trong hoạt động vì cộng đồng của PVcomBank. Trao quà tình nghĩa cho các gia đình có công với đất nước, tài trợ cho các nạn nhân nhiễm chất độc Da cam/Dioxin, các hoạt động về nguồn, đóng góp xây dựng Khu tưởng niệm liệt sỹ, đồng bào tử nạn vì bom bi... là đóng góp thường niên của PVcomBank.

- Hoạt động hỗ trợ cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó

Hướng tới mục tiêu “Trẻ em hôm nay thế giới ngày mai” PVcomBank luôn có những hoạt động thiết thực nhằm góp phần vào việc mang tri thức, mang cơ hội học tập đến với trẻ em gặp hoàn cảnh khó khăn. Cùng với quỹ học bổng “Thắp sáng niềm tin” - do PVcomBank sáng lập và tài trợ chính - hay các

chương trình xây dựng trường học, tài trợ trang thiết bị học tập, sách vở, thuốc men... PVcomBank đã trao hàng trăm suất học bổng, tài trợ hàng chục tỷ đồng mỗi năm đến đối tượng là các trẻ em hiếu học khắp mọi miền tổ quốc.

Với những đóng góp kể trên, PVcomBank được Bộ Kế hoạch và Đầu tư vinh danh là một trong những doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng năm 2014.

9 Dấu ấn PVcomBank 2014

Năm 2014 được PVcomBank xác định tập trung cho nhiệm vụ tái cơ cấu, hoàn thiện hệ thống, xây dựng một nền tảng cốt lõi, chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực cho sự chuyển mình mạnh mẽ và tạo sức bật phát triển bền vững trong tương lai. Những dấu ấn nổi bật của PVcomBank trong năm qua bao gồm:

➤ Xây dựng Chiến lược phát triển của Ngân hàng

PVcomBank đã cùng BCG – tổ chức tư vấn hàng đầu thế giới hoạch định hoàn chỉnh Chiến lược phát triển Ngân hàng đến năm 2020, với mục tiêu đưa PVcomBank trở thành một trong những tổ chức tín dụng hàng đầu tại Việt Nam.

Trong năm, PVcomBank đã hoàn thành triển khai 22 sáng kiến; 29 trên tổng số 109 sáng kiến đang triển khai đúng tiến độ, trải đều trên tất cả các lĩnh vực: bán lẻ, phân phối, doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn, quản trị rủi ro và dịch vụ chung. Các sáng kiến được triển khai thành công đã và sẽ giúp cải tổ PVcomBank một cách toàn diện, từ nội tại đến phát triển các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

➤ Chuyển đổi mô hình hoạt động, kiện toàn bộ máy tổ chức

PVcomBank đã xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức theo quy chuẩn của ngân hàng hiện đại từ Hội sở đến các Chi nhánh. Bên cạnh việc kiện toàn bộ máy các tổ chức chính trị (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên), PVcomBank cũng chính thức chuyển đổi hoạt động theo mô hình mới gồm 13 Khối và 1 Trung tâm từ ngày 01/07/2014. Cùng với đó là việc phân loại các đơn vị mạng lưới theo 03 mô hình: Siêu chi nhánh, Chi nhánh đa năng, Chi nhánh chuẩn. Trên cơ sở đó, Ngân hàng đã phân công lại chức năng, nhiệm vụ, phân bổ lại nguồn lực, tuyển dụng cán bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của từng đơn vị.

➤ Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014

Kết thúc năm 2014, doanh thu cả năm của PVcomBank ước đạt 143% KH năm. Lợi nhuận ước đạt 108% KH năm. Các mảng hoạt động: tín dụng, nguồn vốn, đầu tư, kinh doanh tiền tệ và dịch vụ thu xếp vốn cho các dự án trong và ngoài ngành Dầu khí đều tăng trưởng, tạo được ấn tượng và niềm tin với khách hàng. Những kết quả này là nền tảng vững chắc về tiềm lực, góp phần đưa Ngân hàng phát triển nhanh hơn, bền vững hơn trong năm 2015 và những năm tiếp theo.

➤ Hoàn thiện và phát triển hệ thống công nghệ thông tin nền tảng

Sau hợp nhất, PVcomBank đã đầu tư, triển khai hệ thống Core Banking T24 và các dự án trọng điểm lớn trong lộ trình hiện đại hóa công nghệ thông tin giai đoạn cơ sở 2013-2015. Ngân hàng đã vận hành an toàn, ổn định hệ thống CNTT, đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh, hỗ trợ phát triển các sản phẩm

dịch vụ, tiếp tục hoàn thiện nâng cao độ ổn định và cải tiến hạ tầng CNTT sẵn có để tạo nền tảng phát triển các sản phẩm mới, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

➤ Hợp tác cùng phát triển với khách hàng doanh nghiệp

Trong năm 2014, PVcomBank đã tăng cường hợp tác, ký kết nhiều hợp đồng tín dụng, thu xếp vốn và thỏa thuận hợp tác toàn diện với các đơn vị trong ngành Dầu khí (PVI, PVFCCo, DMC, PVPower, PVCFC, BSR, BDCC...). Điều này không chỉ đánh dấu bước phát triển mới của mối quan hệ lâu dài, vì lợi ích chung của các đơn vị, mà còn khẳng định chính sách kinh doanh nhất quán của PVcomBank “lấy khách hàng làm trọng tâm”, luôn đồng hành với khách hàng trong mọi dự án kinh doanh, đặc biệt là các dự án lớn, trọng điểm của ngành Dầu khí.

➤ Ưu đãi, tri ân khách hàng cá nhân

PVcomBank tổ chức nhiều chương trình khuyến mại, ưu đãi dành cho khách hàng cá nhân, như: “Quay số trúng ngay, vận may hợp nhất”, “Đón mùa xuân sang, ngập tràn tài lộc”, “Cơn lốc quà tặng mùa hè”, “Quà tặng trao tay, đủ đầy xuân mới”... Đây là các chương trình nhằm tri ân tới các khách hàng đã tin tưởng và đồng hành cùng Ngân hàng trên con đường phát triển trong suốt thời gian qua, đồng thời gia tăng thêm lợi ích cho khách hàng với những dịch vụ và sản phẩm ưu đãi vượt trội.

➤ Mở rộng và phát triển mạng lưới

PVcomBank đã khai trương một loạt các chi nhánh mới tại cả tỉnh Thái Bình, Quảng Ninh, Nghệ An, Khánh Hòa, Đồng Tháp, Long An, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh...; nâng số điểm giao dịch của PVcomBank lên 110 điểm tại 28 tỉnh thành trọng điểm của cả nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện việc di dời, tối ưu hóa mạng lưới hoạt động và hoàn tất việc nâng cấp cơ sở vật chất cho nhiều Chi nhánh trên toàn hệ thống. Đây là một điểm sáng trong năm, góp phần tạo nên thế mạnh vượt trội của PVcomBank trong việc nâng cao sức cạnh tranh trong giai đoạn tăng tốc phát triển.

➤ Tập trung đầu tư cho nhân sự - đào tạo

Với sự tư vấn của Công ty tư vấn nhân sự hàng đầu của Mỹ - Hay Group, PVcomBank đã ban hành mới Chính sách tiền lương, đảm bảo tính công bằng nội bộ và cạnh tranh với mặt bằng lương của thị trường, thu hút được nguồn nhân sự chất lượng cao. Chế độ đãi ngộ với người lao động được quan tâm, đảm bảo. Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được chú trọng, với 229 khóa đào tạo và 9.040 lượt học viên. Các hoạt động văn hóa – văn nghệ - thể thao được duy trì tốt, tạo môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, hứng khởi cho CBNV.

➤ Xây dựng và quảng bá thương hiệu

Sau một năm ra mắt, thương hiệu PVcomBank đã được đăng ký nhãn hiệu tại Cục SHTT Việt Nam và tại 24 quốc gia, vùng lãnh thổ, hiện diện trên nhiều công cụ truyền thông khác nhau, trong đó có hạng mục quảng cáo biển tấm lớn tại nhiều tỉnh thành: Hà Nội, Hạ Long, Bắc Ninh, Nghệ An, Nha Trang, Vũng Tàu, TP.HCM, Cần Thơ... tạo được dấu ấn riêng và tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp và dân cư. Dự án Chiến lược phát triển thương hiệu PVcomBank được khởi động từ cuối năm 2014 – là mắt xích quan trọng cuối cùng trên lộ trình thực hiện thành công Chiến lược phát triển PVcomBank.

➤ **Trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng**

Tiếp nối truyền thống từ 2 tổ chức tiền thân, Ngân hàng sau hợp nhất chú trọng công tác an sinh xã hội với các hoạt động cụ thể như: tài trợ Quỹ học bổng “Thắp sáng niềm tin”; Tài trợ xây dựng “Nhà sinh hoạt cộng đồng”; tài trợ nạn nhân chất độc Da cam/Dioxin; tài trợ máy tính cho trẻ em; Tài trợ Quỹ khuyến học; đóng góp ủng hộ chương trình biển đảo... Ngày 6/4/2014, tại Nhà hát lớn – Hà Nội, PVcomBank được vinh danh là “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng” tại lễ Công nhận danh sách các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng 2014, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức.

10 Các công ty có liên quan

10.1 Danh sách các công ty con, công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)
- Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PAMC)

10.2 **Danh sách chi nhánh, PGD PVcomBank**

| Tỉnh/TP | TT | Tên CN/PGD | Địa chỉ |
|---------|----|---------------------------|---|
| Hà Nội | 1 | PVcomBank Hội Sớ | 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| | 2 | PVcomBank Thăng Long | 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| | 3 | PVcomBank Mỹ Đình | Tòa nhà The Manor – Khu đô thị mới Mỹ Đình – Mễ Trì, xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội |
| | 4 | PVcomBank Đông Đô | 82 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội |
| | 5 | PVcomBank Hai Bà Trưng | 149 Trần Đại Nghĩa, Hai Bà Trưng Hà Nội |
| | 6 | PVcomBank Đống Đa | 219 DE Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội |
| | 7 | PVcomBank Hà Nội | 1A Phố Láng Hạ, P.Thành Công, Q. Ba Đình, Hà Nội. |
| | 8 | PVcomBank Lý Nam Đế | 12 A - Lý Nam Đế - P.Hàng Mã - Q.Hoàn Kiếm - HN |
| | 9 | PVcomBank Bùi Thị Xuân | 109 Bùi Thị Xuân, P.Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội |
| | 10 | PVcomBank Nam Đồng | 478 Xã Đàn P Nam Đồng Q Đống Đa Hà Nội |
| | 11 | PVcomBank Hoàng Quốc Việt | 359 Hoàng Quốc Việt Q Cầu Giấy Hà Nội |
| | 12 | PVcomBank Hàng Bông | 12-14 Cửa Nam, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| | 13 | PVcomBank Trung Yên | Căn 9, lô 14 A Khu đô thị mới Trung Yên, P. Trung Hoà, Q. Cầu Giấy, Hà Nội |
| | 14 | PVcomBank Long Biên | Tầng 1, toà nhà 86, Ngô Gia Tự, Q. Long Biên, Hà Nội |
| | 15 | PVcomBank Đồng Tâm | 209 phố Vọng, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội |
| | 16 | PVcomBank Tây Hồ | 313 Thụy Khuê, P.Bưởi, Q.Tây Hồ, Hà Nội |
| | 17 | PVcomBank Kim Đồng | 8 Phố Kim Đồng, P.Giáp Bát, Q.Hoàng Mai, Hà Nội |
| | 18 | PVcomBank Từ Liêm | Tầng 1, lô đất 172, TT.Cầu Diễn, H.Từ Liêm, Hà Nội |
| | 19 | PVcomBank Tây Sơn | 41 Tây Sơn, P.Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội |
| | 20 | PVcomBank Hà Đông | 69 Quang Trung Q Hà Đông Hà Nội |
| | 21 | Điểm giao dịch PVN | Tầng 5 - 18 Láng Hạ, Hà Nội. |
| HCM | 22 | PVcomBank Hồ Chí Minh | 19 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM |
| | 23 | PVcomBank Châu Văn Liêm | 100 đường Châu Văn Liêm, P11.Quận 5, tp Hồ Chí Minh |
| | 24 | PVcomBank Nguyễn Thị Thập | 408 Nguyễn Thị Thập, Quận 7, tp Hồ Chí Minh |
| | 25 | PVcomBank Sài Gòn | Lầu 18, Số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM |
| | 26 | PVcomBank Phó Đức Chính | 6-8 Phó Đức Chính, Quận 1,tp Hồ Chí Minh |
| | 27 | PVcomBank Gia Định | 495-497 An Dương vương P8Q5 Hồ Chí Minh |
| | 28 | PVcomBank Cộng Hòa | 354B Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, Tp.HCM |
| | 29 | PVcomBank Gò Vấp | 2E Quang Trung, Gò Vấp, Tp.HCM |

| | | | |
|----------|----|---------------------------|---|
| | 30 | PVcomBank Bình Thạnh | 82, Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh |
| | 31 | PVcomBank Bình Tây | 36 Hậu Giang, P.2, Q.6, Tp.HCM |
| | 32 | PVcomBank Khánh Hội | 167 Đường Khánh Hội, P.3, Q.4, HCM |
| | 33 | PVcomBank Lê Văn Sỹ | 122/181 Phạm Văn Hai, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM |
| | 34 | PVcomBank Phú Mỹ Hưng | D2-19 Mỹ Toàn 3 Phú Mỹ Hưng, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM |
| | 35 | PVcomBank Tân Sơn Nhì | 97 Tân Sơn Nhì, P Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, HCM |
| | 36 | PVcomBank Hòa Hưng | 435 Hoàng Văn Thụ, P4 quận Tân Bình HCM |
| | 37 | PVcomBank Tôn Thất Thiệp | 361A Lê Đại Hành, P.11, Quận 11, Tp.HCM |
| | 38 | PVcomBank Nguyễn Văn Trỗi | 307/4 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Bình, Tp.HCM |
| | 39 | PVcomBank Bảy Hiền | Tòa nhà Pilotco, 45 ABCD Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, quận 1, TP HCM |
| | 40 | PVcomBank Tô Hiến Thành | 51 Tô Hiến Thành, P.13, Q.10, Tp.HCM |
| | 41 | PVcomBank Tân Định | 149F Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q.1, Tp.HCM |
| | 42 | PVcomBank Võ Văn Tần | Tòa nhà Linco, lô 61-63A Võ Văn Tần, quận 3, TP HCM |
| | 43 | PVcomBank Thị Nghè | 54A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.19, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM |
| | 44 | PVcomBank Ba Tháng Hai | 196 đường vành đai trong, Bình trị đông B Quận Bình Tân, HCM |
| | 45 | PVcomBank Thành Thái | 04 Thành Thái, phường 12, quận 10, TP HCM |
| | 46 | PVcomBank Tân Thới | 375-377 đường Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. |
| | 47 | PVcomBank Bà Chiểu | 87 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM |
| | 48 | PVcomBank Lạc Long Quân | 363 Lạc Long Quân, P.5, Q.11, Tp.HCM |
| | 49 | PVcomBank Thủ Thiêm | 95C Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh |
| | 50 | PVcomBank Đồng Khởi | 953 Kha Vạn Cân, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh |
| | 51 | PVcomBank Bến Thành | 421-423 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh |
| Tây Ninh | 52 | PVcomBank Tây Ninh | 1047 đường CMT8, Hiệp Ninh Hòa Thành Tây Ninh |
| Long An | 53 | PVcomBank Long An | 93 Nguyễn Hữu Thọ, Bến Lức , Long An |
| Cần Thơ | 54 | PVcomBank Cần Thơ | 131, Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ |
| | 55 | PVcomBank An Phú | 44 Đường Nguyễn Thái Học, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. |
| | 56 | PVcomBank Tây Đô | 14C đường 30/4 Phường Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ |
| | 57 | PVcomBank Lý Tự Trọng | 127 Lý Tự Trọng, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ |
| | 58 | PVcomBank Hưng Phú | T1_1 chung cư Tây Nguyên Plaza, KV.Thạnh Lợi, P.Phú Thứ, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ |
| | 59 | PVcomBank Xuân Khánh | 239 Đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |
| | 60 | PVcomBank Ninh Kiều | 54A Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ. |

| | | | |
|------------|----|----------------------------|--|
| | 61 | PVcomBank Trà Nóc | Lô 31A Khu Công nghiệp Trà Nóc, Tp.Cần Thơ. |
| | 62 | PVcomBank Thốt Nốt | 577B QL 91, KV Phụng Thạnh 1, P.Thốt Nốt, Q.Thốt Nốt, TP Cần Thơ, Việt Nam |
| | 63 | PVcomBank Thới Lai | 371Cấp Thới Thuận B, TT.Thới Lai, Huyện Thới Lai. TP.Cần Thơ |
| | 64 | PVcomBank Cờ Đỏ | Thị trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, Tp.Cần Thơ. |
| Đồng Tháp | 65 | PVcomBank Đồng Tháp | 132, Quốc Lộ 30, Phường Mỹ Phú, Tp.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp. |
| Kiên Giang | 66 | PVcomBank Kiên Giang | 77 Nguyễn Trung Trực, P Vĩnh Bảo, TP Rạch Giá, Kiên Giang |
| Vĩnh Long | 67 | PVcomBank Vĩnh Long | 54 Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, Thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. |
| An Giang | 68 | PVcomBank An Giang | 111 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang. |
| | 69 | PVcomBank Long Xuyên | 752 Đường Hà Hoàng Hổ, Phường Đông Xuyên, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang. |
| Vũng Tàu | 70 | PVcomBank Bà Rịa Vũng Tàu | 1 Lý Tự Trọng, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu. |
| | 71 | PVcomBank Phạm Hồng Thái | 14 đường Phạm Hồng Thái, phường 7, TP Vũng Tàu |
| | 72 | PVcomBank Nguyễn Thái Học | 1 Lô K4 Đường Nguyễn Thái Học Phường 7 Vũng Tàu |
| | 73 | PVcomBank Ba mươi tháng tư | 63 Đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu |
| | 74 | PVcomBank Vũng Tàu | 228 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu |
| Đồng Nai | 75 | PVcomBank Đồng Nai | 74-75, KP4 Đồng Khởi P tân Hiệp TP Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai |
| | 76 | PVcomBank Biên Hòa | 96/477 Khu phố 4, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai |
| B.Dương | 77 | PVcomBank Bình Dương | 203 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Thọ, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh B.Dương |
| Tiền Giang | 78 | PVcomBank Tiền Giang | 25-25A Hùng Vương, P.7, Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang |
| Đà Nẵng | 79 | PVcomBank Đà Nẵng | Lô A2.1 Đường 30-4, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng |
| | 80 | PVcomBank Thanh Khê | 111-113 Điện Biên Phủ - Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê Đà Nẵng |
| | 81 | PVcomBank Hải Châu | 152 Lê Lợi, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng |
| | 82 | PVcomBank Ông Ích Khiêm | 354 Ông Ích Khiêm - Q. Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng |
| | 83 | PVcomBank Chợ Mới | 492 Hoàng Diệu, P.Bình Hiên, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng |
| | 84 | PVcomBank Ngũ Hành Sơn | 358 Ngũ Hành sơn, Q.Ngũ Hành Sơn, Tp.Đà Nẵng |
| | 85 | PVcomBank Núi Thành | 294 Núi Thành, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng |
| | 86 | PVcomBank Quảng Nam | 104 Phan Chu Trinh TP Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam |
| | 87 | PVcomBank Hội An | 443A Hai Bà Trưng,P Cẩm Châu, Tp.Hội An |
| Huế | 88 | PVcomBank Huế | 76 Hùng Vương, P.Phú Nhuận, Tp.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế |
| | 89 | PVcomBank Tây Lộc | 190 Nguyễn Trãi, P.Tây Lộc, Tp.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế |
| Bắc Ninh | 90 | PVcomBank Bắc Ninh | 377 Đường Ngô Gia Tự, Phường Tiên An, Tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh |

| | | | |
|------------|-----|-----------------------------|--|
| Bình Định | 91 | PVcomBank Quy Nhơn | 186 Tầng Bạt Hồ, P.Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |
| | 92 | PVcomBank Đập Đá | 230 Quốc Lộ 1A, thị trấn Đập Đá, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |
| | 93 | PVcomBank Diêu Trì | Vân Hội 1, TT.Diêu Trì, H.Tuy Phước, Bình Định |
| | 94 | PVcomBank Nguyễn Thái Học | 223 Nguyễn Thái Học Phường Ngô Mây Tp Quy Nhơn tỉnh Bình Định |
| Lâm Đồng | 95 | PVcomBank Đà Lạt | 8C Đường ¾, Phường 3, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng |
| | 96 | PVcomBank Phan Đình Phùng | 66B Phan Đình Phùng, P.2, Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |
| | 97 | PVcomBank Hồ Xuân Hương | 52 Bà Triệu, Phường 4, Đà Lạt. |
| Nam Định | 98 | PVcomBank Nam Định | Lô 13+21 đường Đông A, Khu đô thị mới Hòa Vượng, xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định. |
| | 99 | PVcomBank Thành Nam | 114 đường Trần Hưng Đạo, p.Trần Hưng Đạo, tp Nam Định. |
| Hải Phòng | 100 | PVcomBank Hải Phòng | Số 152 Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng |
| | 101 | PVcomBank Lương Khánh Thiện | 131 Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng |
| Thanh Hóa | 102 | PVcomBank Thanh Hóa | 38A Đại lộ Lê Lợi, Phường Điện Biên, TP, Thanh Hóa |
| | 103 | PVcomBank Đông Thọ | 597 Bà Triệu, P.Đông Thọ, tp Thanh Hóa. |
| Quảng Ngãi | 104 | PVcomBank Quảng Ngãi | 01 Lê Lợi, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. |
| Quảng Ninh | 105 | PVcomBank Quảng Ninh | Tổ 36, khu 2, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Quảng Ninh. |
| Thái Bình | 106 | PVcomBank Thái Bình | Địa chỉ: Số 458 – Đường Lý Bôn – TP Thái Bình – Tỉnh Thái Bình |
| Cà mau | 107 | PVcomBank Cà Mau | 45 đường Trần Hưng Đạo, phường 5, TP Cà Mau |
| Khánh Hòa | 108 | PVcomBank Khánh Hòa | 2 Lê Thành Phương, phường Phương Sài, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. |
| Nghệ An | 109 | PVcomBank Nghệ An | Tầng 1, tầng 6 tòa nhà dầu khí Nghệ An – số 7 – Đường Quang Trung -TP Vinh |
| Đà Nẵng | 110 | PVcomBank Sông Hàn | 10 Ngô Gia Tự, P.Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng. |

11 Báo cáo tài chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

| | Thuyết minh | 31/12/2014 VNĐ | 31/12/2013 VNĐ |
|---|----------------|----------------------------|----------------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| Tiền mặt | 6 | 181.936.948.257 | 73.514.886.614 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 7 | 3.832.269.982.836 | 2.581.785.517.941 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 8 | 12.443.676.512.436 | 11.385.535.115.291 |
| Tiền gửi tại các TCTD khác | | 9.023.991.143.301 | 5.462.527.986.425 |
| Cho vay các TCTD khác | | 3.419.685.369.135 | 5.967.765.369.135 |
| Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác | | - | (44.758.240.269) |
| Chứng khoán kinh doanh | 9 | 183.480.803.856 | 209.441.729.514 |
| Chứng khoán kinh doanh | | 247.106.879.403 | 313.563.502.346 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (63.626.075.547) | (104.121.772.832) |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 10 | 23.043.850.582 | 5.241.550.000 |
| Cho vay và ứng trước cho khách hàng | | 41.963.650.491.341 | 40.359.696.887.256 |
| Cho vay khách hàng | 11 | 42.383.293.357.436 | 41.126.410.818.954 |
| Ứng trước cho khách hàng | 12 | 661.099.200.631 | 661.099.200.631 |
| Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng | 13 | (1.080.742.066.726) | (1.427.813.132.329) |
| Chứng khoán đầu tư | 14 | 25.700.916.632.261 | 14.049.390.264.546 |
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | | 17.459.435.013.661 | 11.336.619.425.803 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | | 8.367.844.109.925 | 2.885.592.732.011 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | | (126.362.491.325) | (172.821.893.268) |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | 15 | 1.743.709.507.323 | 2.432.464.539.258 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Đầu tư góp vốn dài hạn khác | | 1.778.643.682.695 | 2.468.788.855.597 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | | (36.434.175.372) | (37.824.316.339) |
| Tài sản cố định | | 611.084.401.154 | 646.200.553.934 |
| Tài sản cố định hữu hình | 16.1 | 371.156.709.742 | 385.843.088.930 |
| <i>Nguyên giá tài sản cố định</i> | | 641.233.768.193 | 596.656.031.961 |
| <i>Hao mòn tài sản cố định</i> | | (270.077.058.451) | (210.812.943.031) |
| Tài sản cố định vô hình | 16.2 | 239.927.691.412 | 260.357.465.004 |
| <i>Nguyên giá tài sản cố định</i> | | 311.684.770.415 | 312.246.716.401 |
| <i>Hao mòn tài sản cố định</i> | | (71.757.079.003) | (51.889.251.397) |
| Tài sản có khác | 17 | 21.614.692.240.658 | 29.381.012.659.006 |
| Các khoản phải thu | | 8.008.724.831.560 | 9.165.160.266.867 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | | 7.704.923.183.174 | 6.449.889.043.352 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 21.2 | 33.711.837.500 | 38.308.906.250 |
| Tài sản có khác | | 6.330.358.963.045 | 14.172.802.140.149 |
| - Trong đó: Lợi thế thương mại | | 949.451.328.003 | 951.115.857.916 |
| Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác | | (463.026.574.621) | (445.147.697.612) |
| TỔNG TÀI SẢN | | 108.298.461.370.704 | 101.124.283.703.360 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>31/12/2014 VNĐ</i> | <i>31/12/2013 VNĐ</i> |
|---|------------------------|----------------------------|----------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | | | |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 18 | 14.286.964.332.886 | 19.094.521.806.455 |
| Tiền gửi của các TCTD khác | | 4.212.646.886.369 | 7.197.054.278.336 |
| Vay các TCTD khác | | 10.074.317.446.517 | 11.897.467.528.119 |
| Tiền gửi của khách hàng | 19 | 70.954.913.058.023 | 49.091.044.305.149 |
| Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro | | 791.156.023 | 4.455.753.063.766 |
| Phát hành giấy tờ có giá | | 20.124.600 | 26.103.600 |
| Các khoản nợ khác | | 12.980.614.594.609 | 18.528.270.320.204 |
| Các khoản lãi, phí phải trả | | 1.034.093.916.486 | 1.084.270.463.973 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | 21.3 | 6.326.786.089 | 18.448.218.583 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 20 | 11.940.193.892.034 | 17.407.201.311.747 |
| Dự phòng rủi ro khác | 13 | - | 18.350.325.901 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 98.223.303.266.141 | 91.169.615.599.174 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| Vốn | | 8.993.403.711.562 | 8.985.609.983.647 |
| Vốn điều lệ | | 9.000.000.000.000 | 9.000.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | (8.596.288.438) | (16.390.016.353) |
| Các quỹ dự trữ | | 542.035.707.631 | 491.127.926.648 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | | 158.542.076.827 | 79.069.975.241 |
| TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 9.693.981.496.020 | 9.555.807.885.536 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 22 | 107.917.284.762.161 | 100.725.423.484.710 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 22 | 381.176.608.543 | 398.860.218.650 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | | 108.298.461.370.704 | 101.124.283.703.360 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| <i>Thuyết minh</i> | <i>31/12/2014</i> VNĐ | <i>31/12/2013</i> VNĐ |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn | 4.298.832.198.429 | 2.164.988.273.597 |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 1.063.993.089.960 | 121.240.599.569 |
| Bảo lãnh | 3.234.839.108.469 | 2.043.747.674.028 |
| Các cam kết đưa ra | 850.783.330.453 | 2.763.322.767.187 |
| Cam kết tài trợ cho khách hàng | 169.383.330.453 | 310.187.947.187 |
| Cam kết khác | 681.400.000.000 | 2.453.134.820.000 |
| 36 | <u>5.149.615.528.882</u> | <u>4.928.311.040.784</u> |

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Thế Hiển
Giám đốc Khối
Tài chính - Kế toán

Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03/TCTD-HN

| | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VNĐ | Giai đoạn từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013 VNĐ |
|--|----------------|---|--|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 24 | 4.736.226.143.550 | 1.156.360.802.092 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 25 | 5.258.809.142.144 | 1.224.393.180.429 |
| Chi phí lãi thuần | | (522.582.998.594) | (68.032.378.337) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 177.982.875.344 | 56.743.247.869 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | | 126.584.884.715 | 52.254.522.544 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 26 | 51.397.990.629 | 4.488.725.325 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 27 | 30.254.642.907 | 16.330.888.798 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 28 | 3.852.626.353 | 2.053.857.669 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 29 | 54.679.286.337 | 208.123.466.987 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | | 1.227.518.445.177 | 396.750.765.625 |
| Chi phí hoạt động khác | | 96.313.528.572 | 239.542.607.390 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 30 | 1.131.204.916.605 | 157.208.158.235 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 31 | 762.848.653.353 | 26.299.353.734 |
| TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG | | 1.511.655.117.590 | 346.472.072.411 |
| TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | 32 | 1.397.512.596.101 | 386.396.776.409 |
| Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 114.142.521.489 | (39.924.703.998) |
| Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng | | 48.090.164.132 | 6.265.083.077 |
| TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | | 162.232.685.621 | (33.659.620.921) |
| Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hiện hành | 21.1 | 2.960.130.632 | (55.232.919.072) |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | | (7.524.363.744) | - |
| Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN | | (4.564.233.112) | (55.232.919.072) |
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ | | 166.796.918.733 | 21.573.298.151 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | | 14.906.931.051 | (7.075.418.453) |
| LỢI NHUẬN CỦA NGÂN HÀNG | | 151.889.987.682 | 28.648.716.604 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 23 | 169 | 32 |

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Thế Hiển
Giám đốc Khối
Tài chính - Kế toán

Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

| <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VNĐ</i> | <i>Giai đoạn từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013 VNĐ</i> |
|---|---|--|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | 3.349.925.648.285 | 1.501.398.981.658 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | (5.521.275.498.788) | (1.213.958.426.132) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | 169.419.859.941 | 4.488.725.325 |
| Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ | 2.806.939.684 | 140.979.646.238 |
| Thu nhập khác | 1.230.544.103.941 | 120.837.007.785 |
| Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro | 30 1.284.588.624 | 1.734.150.324 |
| Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | (1.184.488.015.412) | (367.748.265.571) |
| Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ | 21.1 (2.590.377.486) | (1.266.127.299) |
| Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng trong)/ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động | (1.954.372.751.211) | 186.465.692.328 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | 1.717.426.611.896 | 4.573.017.988.542 |
| Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 2.988.719.000.004 | 2.638.208.055.917 |
| Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán | (2.066.023.919.350) | (389.380.126.651) |
| Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | (17.802.300.581) | (4.822.050.001) |
| (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng | (1.256.882.538.482) | 2.452.740.171.284 |
| Sử dụng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu | 13 (362.089.467.641) | (151.648.337.370) |
| Giảm khác về tài sản hoạt động | 2.431.505.837.946 | 27.920.275.363 |
| Những thay đổi về công nợ hoạt động | 7.074.356.453.697 | (1.027.634.320.925) |
| Giảm các khoản tiền gửi và vay các TCTD | (4.807.557.473.569) | (3.030.000.925.817) |
| Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN) | 21.863.868.752.874 | 3.759.595.713.356 |
| Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính) | (5.979.000) | (40.021.216.444) |
| Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | (4.454.961.907.743) | (39.526.320.237) |
| Giảm khác về công nợ hoạt động | (5.526.986.938.865) | (1.677.681.571.783) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 6.837.410.314.382 | 3.731.849.359.945 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | |
| Mua sắm tài sản cố định | (181.752.927.792) | (7.925.424.302) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 4.254.141.436 | 1.500.000 |
| Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | (1.189.500) |
| Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | - | (20.841.944) |
| Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 1.326.555.568.112 | - |
| Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 122.128.010.756 | 9.620.421.701 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

| <i>Thuyết minh</i> | <i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VNĐ</i> | <i>Giai đoạn từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013 VNĐ</i> |
|---|---|--|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | - | (56.619.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động tài chính | - | (56.619.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 8.108.595.106.894 | 3.733.467.206.900 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ | 7.656.650.611.454 | 3.923.183.404.554 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ | 15.765.245.718.348 | 7.656.650.611.454 |

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Thế Hiến
Giám đốc Khối
Tài chính - Kế toán

Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2015